UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2009/QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công ngày 29/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng chính Chính Phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính Phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/2/1996 và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 3/2/2000;

Xét đề nghị của sở Tài chính tại Tờ trình số 579/TT-STC ngày 20/4/2009 (Sau khi thống nhất với các ngành liên quan) và Công văn số 601/STP-VBPQ ngày 29/4/2009 của Sở Tư Pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất ở khi giao đất làm nhà ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ, công nhận đất ở phải nộp tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng được miễn, giảm tiền sử dụng đất ở theo Quyết định này, bao gồm:

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945.

c) Thân nhân liệt sỹ.

d) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.

e) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

g) Bệnh binh.

h) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

i) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày.

k) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

l) Người có công giúp đỡ cách mạng.

2. Phạm vi áp dụng:

a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 điều này chưa có chỗ ở mà chưa được giao đất ở theo chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất của chính sách người có công với cách mạng.

b) Trong trường hợp một người thuộc nhiều diện ưu đãi thì căn cứ vào chế độ ưu đãi cao nhất của người đó để thực hiện chế độ miễn, giảm; một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện ưu đãi thì cộng chế độ ưu đãi của từng thành viên thành chế độ ưu đãi của hộ, nhưng mức miễn, giảm tối đa không quá mức ưu đãi cao nhất.

Điều 2. Mức miễn, giảm tiền sử dụng đất ở.

1. Miễn tiền sử dụng đất.

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính Phủ.

b) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng được miễn tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với ô (thửa) đất có giá trị không quá 100 triệu đồng, mức miễn tối đa không quá 100 triệu đồng.

Trường hợp đối tượng được miễn tiền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản này mà được giao ô đất có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng, thì đối tượng này phải nộp toàn bộ giá trị lớn hơn 100 triệu đồng; Trường hợp giao đất ở có giá trị nhỏ hơn 100 triệu thì mức miễn tiền sử dụng đất theo giá trị thực tế ô (thửa) đất được giao.

2. Giảm tiền sử dụng đất:

a) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80% được giảm 90% tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với ô (thửa) đất có giá trị không quá 100 triệu đồng, mức giảm tối đa không quá 90 triệu đồng.

b) Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 được quy định tại điều 10 Pháp lệnh ưu đãi người có công ngày 29/6/2005; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60% được giảm 80% tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với ô (thửa) đất có giá trị không quá 100 triệu đồng, mức giảm tối đa không quá 80 triệu đồng.

c) Thân nhân của liệt sỹ quy định tại khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "có công với nước" được giảm 70% tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với ô (thửa) đất có giá trị không quá 100 triệu đồng, mức giảm tối đa không quá 70 triệu đồng.

d) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất hoặc Huân chương chiến thắng hạng nhất được giảm 65% tiền sử dụng đất khi giao đất ở đối với ô (thửa) đất có giá trị không quá 100 triệu đồng, mức giảm tối đa không quá 65 triệu đồng.

Trường hợp đối tượng được giảm tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này mà được giao đất ở có giá trị lớn hơn 100 triệu đồng thì các đối tượng này phải nộp toàn bộ giá trị lớn hơn 100 triệu đồng; trường hợp được giao ô đất nhỏ hơn

100 triệu đồng thì căn cứ vào tỷ lệ giảm tại các điểm a, b, c, d của khoản này để xác định mức giảm cụ thể.

3. Giá đất ở để xác định miễn, giảm cho các đối tượng quy định tại điểm b, khoản 1. Miễn tiền sử dụng đất và khoản 2. Giảm tiền sử dụng đất của Điều 2 được thực hiện theo quy hoạch và tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất.

4. Hạn mức giao đất ở cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1. Miễn tiền sử dụng đất và khoản 2. Giảm tiền sử dụng đất của Điều 2 được thực hiện theo quy hoạch và tối đa không vượt hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm giao đất.

Điều 3. Hồ sơ, thủ tục xét duyệt.

1. Hồ sơ xét duyệt:

a) Đơn đề nghị của người có công với cách mạng được UBND cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận: chưa có chỗ ở, chưa được giao đất làm nhà ở theo chế độ miễn, giảm.

b) Giấy tờ chứng nhận người có công với cách mạng (bản sao có chứng thực)

c) Trường hợp từ nơi khác chuyển đến phải có xác nhận của (cấp xã, huyện, tỉnh) nơi chuyển đi là đối tượng này chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo chính sách của người có công với cách mạng.

d) Hồ sơ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này được lập thành 3 bộ, 1 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a, b, c khoản này Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp 02 bộ đến Thường trực Hội đồng (Phòng Lao động Thương binh và Xã hội).

2. Thủ tục xét duyệt:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận các nội dung quy định tại tiết a khoản 1 điều này.

b) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ cấp xã chuyển đến, Hội đồng phải tổ chức xét duyệt.

Nội dung xét duyệt: Kiểm tra, xác minh, phân loại đối tượng, xác định mức miễn, giảm cụ thể, vị trí ô (thửa) đất để giao cho các đối tượng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định từng trường hợp cụ thể.

Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất gửi đến đối tượng được hưởng chính sách, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan cấp huyện. Hàng quý Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công trên địa bàn để báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính.

Sau khi có quyết định miễn, giảm cho từng trường hợp cụ thể các cơ quan liên quan của cấp huyện thực hiện:

- Chi Cục thuế thông báo tiền sử dụng đất còn phải nộp (nếu có).

- Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng nộp tiền theo thông báo, phô tô chứng từ nộp tiền gửi đến phòng Tài Nguyên và Môi trường.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất tại thực địa cho đối tượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng xét miễn, giảm tiền sử dụng đất. Thành phần gồm lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng; Phòng lao động Thương binh và Xã hội làm phó chủ tịch thường trực; Phòng Tài chính Kế hoạch, phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Thuế, Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp huyện và Hội Cựu chiến binh làm uỷ viên.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành thì đối tượng thường trú tại địa phương (cấp huyện) nào thì địa phương đó xét duyệt và quyết định miễn, giảm.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quyết định này; hàng năm tổng hợp báo cáo Văn phòng Chính Phủ, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này không áp dụng cho các đối tượng thuộc diện chính sách người có công với cách mạng đã được hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất khi giao đất làm nhà ở.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các cơ quan đơn vị, đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Xuân Đương